

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN XUYỀN MỘC  
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 65/2024/HS-ST

Ngày: 26/7/2024

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYỀN MỘC, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Thảo.

*Các hội thẩm nhân dân:*

Bà Đoàn Thị Mến.

Bà Phùng Thị Khánh Vân.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng – Thư ký Tòa án.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc tham gia phiên tòa:**

Ông Cù Hoàng Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 59/2024/HSST ngày 26 tháng 6 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2024/QĐXXST - HS ngày 11 tháng 7 năm 2024, đối với bị cáo:

Trần Văn P (tên gọi khác: Bé H), sinh năm 1986. Tại Đồng Nai;

Nơi cư trú: Tổ I, ấp T, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nghề nghiệp: Làm biển; trình độ văn hóa (học vấn): 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn S, sinh năm: 1960 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1966; bị cáo có vợ tên H'Yem Ê Ban, có 02 con chung, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2016.

Tiền án: Năm 2017 bị Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, xử phạt 08 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo bản án số 72/2017/HSST ngày 17/11/2017, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/11/2022, chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Không.

Bị bắt, tạm giam ngày: 19/11/2023.

“Bị cáo có mặt”.

*Người làm chứng:*

- Ông Trương Đại N, sinh năm: 1996 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 19/11/2023, Công an huyện X phối hợp Công an xã B tiến hành tuần tra trên địa bàn, khi đến đoạn đường ven biển thuộc ấp B, xã B, huyện X phát hiện Trần Văn P, sinh năm 1986, HKTT: ấp T, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có biểu hiện nghi vấn nên yêu cầu P có cất giấu ma túy thì giao nộp. Lúc này, P lấy ra từ túi quần bên phải đang mặc 01 gói nylon chứa chất kết tinh không màu và khai là ma túy đá giao nộp cho lực lượng Công an. Tại cơ quan Công an P khai nhận khoảng 14 giờ 00 phút ngày 19/11/2023 P bắt xe bus ra thị xã L, tỉnh Bình Thuận mua của một người đàn ông tên T1 (không rõ nhân thân) 1.500.000 đồng ma túy. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, khi P đang trên đường đi tìm nơi sử dụng ma túy thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt giữ.

Căn cứ Kết luận giám định số: 475/KL-KTHS-MT ngày 28/11/2023 của Phòng K Công an tỉnh B, kết luận: Mẫu chất kết tinh, không màu – trong suốt chứa trong 01 gói nylon được hàn kín bên trong phong bì màu trắng, có in hình dấu của Công an xã B - CAH. Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cùng các chữ ký ghi rõ họ tên: Thượng úy Vũ Văn T2, Trương Đại N, Vũ Văn T3, Trần Văn P gửi đến giám định có khối lượng: 1,4572 gam, là ma túy, loại Methamphetamine.

Vật chứng tạm giữ và xử lý: Đối với 01 phong bì niêm phong vụ số 475 ngày 28/11/2023 cùng các chữ ký ghi họ tên Thượng tá Đỗ Ngọc Đ, Võ Thanh H1, Đỗ Thị Linh S1, Hoàng Nhân Q, bên trong chứa mẫu giám định còn lại hiện Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện X đang tạm giữ để chuyển Chi cục Thi hành án Dân sự huyện X xử lý.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng truy tố.

Bản cáo trạng số 56/CT - VKSXM ngày 17 tháng 6 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc truy tố bị cáo Trần Văn P về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự 2015.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đề nghị xử phạt bị cáo từ 02 (Hai) năm đến 03 (Ba) năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng Viện kiểm sát đề nghị:

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 phong bì niêm phong vụ số 475 ngày 28/11/2023 cùng các chữ ký ghi họ tên Thượng tá Đỗ Ngọc Đ, Võ Thanh H1, Đỗ Thị Linh S1, Hoàng Nhân Q, bên trong chứa mẫu giám định còn lại từ Cơ quan CSĐT Công an huyện X.

Bị cáo Trần Văn P nói lời sau cùng: Bản thân bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về với gia đình.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định truy tố: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện X, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa đối chiếu với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và những người tham gia tố tụng khác cũng như những tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ là phù hợp. Theo đó xác định được rằng:

Bị cáo Trần Văn P có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Cụ thể: Vào khoảng 20 giờ ngày 19/11/2023, tại ấp B, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Trần Văn P đã có hành vi tàng trữ 01 gói nylon chứa chất kết tinh không màu và khai là ma túy, mục đích bị cáo tàng trữ là để sử dụng.

Theo kết luận giám định số 475/KL - KTHS - MT ngày 28/11/2023 của Phòng K Công an tỉnh B thì: Mẫu A có khối lượng 1,4572 gam, là ma túy, loại Methamphetamine.

Như vậy, hành vi của bị cáo nêu trên có đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Từ đó, cho thấy bản cáo trạng số 56/CT - VKSXM ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc truy tố bị cáo Trần Văn P về tội danh và điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng đối với hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo nhận thức được tác hại của ma túy và việc tàng trữ ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có ma túy sử dụng nên bị cáo vẫn tàng trữ, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, là một trong những nguyên nhân là phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Bị cáo từng bị Tòa án xét xử về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, chưa được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học sửa đổi bản thân, lại tiếp tục phạm tội nên lần phạm tội này của bị cáo là tái phạm. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội, cần cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, đồng thời nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015 nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo tàng trữ ma túy nhằm mục đích để sử dụng, không nhằm mục đích thu lợi bất chính, bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng vụ án:

- 01 phong bì niêm phong vụ số 475 ngày 28/11/2023, có in hình dấu của Phòng K Công an tỉnh B – VT và các chữ ký ghi họ tên Đỗ Ngọc Đ, Võ Thanh H1, Đỗ Thị Linh S1, Hoàng Nhân Q, bên trong chứa mẫu giám định còn lại từ Cơ quan CSĐT Công an huyện X là tang vật của vụ án là hàng cấm không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[8] Đối với nguồn gốc ma túy: Bị cáo khai nhận số ma túy mà cơ quan Công an thu giữ của bị cáo là bị cáo mua của người thanh niên tên T1 (chưa rõ lai lịch), đến nay chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, xác minh, làm rõ nếu có căn cứ sẽ đề nghị xử lý sau là phù hợp với quy định của pháp luật.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn P (tên gọi khác: Bé H) phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo: Trần Văn P 02 (Hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 19/11/2023.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 phong bì niêm phong vụ số 475 ngày 28/11/2023, có in hình dấu của Phòng K Công an tỉnh B – VT và các chữ ký ghi họ tên Đỗ Ngọc Đ, Võ Thanh H1, Đỗ Thị Linh S1, Hoàng Nhân Q, bên trong chứa mẫu giám định còn lại từ Cơ quan CSĐT Công an huyện X.

(Vật chứng nêu trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/6/2024 giữa Công an huyện X và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 buộc bị cáo Trần Văn P phải nộp số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm;

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Sở tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- + Phòng PC10.
- + Phòng PV06.
- VKSND huyện Xuyên Mộc;
- Công an huyện Xuyên Mộc;
- Chi cục THADS huyện Xuyên Mộc;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Kim Thảo**